

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNST-ST  
Ngày 28 tháng 3 năm 2018  
V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa**

**Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Quốc Dũng**

**2/ Ông Nguyễn Tấn Hậu**

**Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố L, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang tham gia  
phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An  
Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2017/TLST-HNGĐ, ngày 01  
tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số:  
09/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T**, sinh năm 1978.

+ Địa chỉ: Ấp K, xã K, Thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

- **Bi đơn: Bà Võ Kim L**, sinh năm 1978.

+ Địa chỉ: Khóm 5, phường K, Thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá  
trình giải quyết và tại phiên tòa ông Trần Thanh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký  
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 03/5/2002. Hôn nhân lần thứ nhất của ông  
bà . Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn,  
nguyên nhân chính là do bà L có tình cảm với người khác. Mặc dù ông đã nhiều lần  
khuyên nhủ và được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không  
hạnh phúc, nên ông bà sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng,  
tình cảm dành cho bà L không còn nên ông yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Trần Thị Bích H, sinh năm 1997 đã

trưởng thành và có khả năng lao động và Trần Thị Bích N, sinh ngày 18/01/2005 hiện đang sống với ông.

Ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Bích N sau khi ly hôn, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

\* Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Kim L mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp L nhưng bà L vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông Trần Thanh T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa, bà L tiếp tục vắng mặt không có lý do.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, 171, 177 BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Thanh T đối với bà Võ Kim L.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Bích N, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Con chung Trần Thị Bích H đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp L lần thứ hai nhưng bà L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, ông T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Võ Kim L.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Thanh T và bà Võ Kim L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 03/5/2002, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo ông T trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà L có tình cảm với người khác. Vì muốn hàn

gắn tình cảm vợ chồng, ông đã nhiều lần khuyên nhủ và tạo cơ hội cho bà L nhưng vẫn không có kết quả, nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Do mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Võ Kim L.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã K, Thành phố L ngày 08/12/2017 thể hiện, sau khi kết hôn ông T và bà L về sinh sống tại nhà ông T. Địa phương nhận thấy, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp do ông T nghi ngờ bà L có tình cảm với người khác, nên ông bà sống ly thân từ năm 2012 đến nay dù đã được gia đình hai bên hàn gắn.

[4] Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết bà L vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông T về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, bà L tiếp tục vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên ông T vì con tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh T được ly hôn bà Võ Kim L, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Trần Thị Bích H, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động và Trần Thị Bích N, sinh ngày 18/01/2005 hiện do ông chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Bích N sau khi ly hôn, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, thời gian ông bà sống ly thân con chung do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu N cũng có nguyện vọng được sống với ông T, nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không có yêu cầu.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có.

Bà L không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Trần Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

**Vì các lẽ trên;**

**QUYẾT ĐỊNH**

**\* Căn cứ vào**

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh T được ly hôn bà Võ Kim L.

- **Về con chung:** Ông bà có hai con chung tên Trần Thị Bích H, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động và Trần Thị Bích N, sinh ngày 18/01/2005.

Ông T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thị Bích N.

Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không có yêu cầu.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Chưa xem xét giải quyết.

\* **Về án phí:** Ông Trần Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003613, ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L. Ông T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi gửi:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DSTPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nguyễn Thị Hoa**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoa**

**Nơi gửi:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Nguyễn Thị Hoa**





